

**GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 818/TTr-STNMT ngày 11/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả (địa chỉ tại số 27 Bùi Chát, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) được xả nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung tại Công trình Hàm đường bộ qua đèo Cù Mông (giai đoạn 1, phần hầm phía Bắc) thuộc khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Lở, khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Vị trí xả nước thải: suối Lở, khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tại vị trí có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3 độ):

$$X(m) = 1.514.449, Y(m) = 600.175$$

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy

4. Chế độ xả nước thải: liên tục (24h/ngày đêm).
5. Lưu lượng nước thải lớn nhất: $6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
6. Chất lượng nước thải: phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột B với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$.
(Kèm theo Phụ lục Bảng giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải).
7. Thời hạn của giấy phép là: 5 (năm) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận tại khu vực xả thải thuộc suối Lở theo quy định.
3. Hằng năm (trước 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định.
4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND phường Bùi Thị Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục
BẢNG GIỚI HẠN THÔNG SỐ, NỒNG ĐỘ
CHẤT Ô NHIỄM ĐƯỢC PHÉP XẢ THẢI CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ -
CÔNG TRÌNH HÀM ĐƯỜNG BỘ QUA ĐÈO CÙ MÔNG
(GIAI ĐOẠN 1, PHẦN HÀM PHÍA BẮC)

(Phụ lục kèm theo Giấy phép xả nước thải số: /GP-UBND
ngày tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)
1	pH	-	5,5 đến 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
3	COD	mg/l	162
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
6	Tổng Nito	mg/l	43,2
7	Tổng Photpho	mg/l	6,48
8	Chì	mg/l	0,54
9	Cadimi	mg/l	10
10	Asen	mg/l	0,11
11	Thủy ngân	mg/l	0,011
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
13	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000